

Số: 169/NQ-CTCP-HĐTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2015.

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Phê duyệt Báo cáo tài chính và
phương án phân phối lợi nhuận năm 2014**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY

Căn cứ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/5/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty QLCT Cầu Phà TP.HCM thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-HĐTV ngày 27/05/2015 của Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP.Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐTV ngày 09/10/2015 của Hội đồng thành viên công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh về việc thông qua Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2869/CTCP ngày 14/10/2015 của Giám đốc Công ty v/v phê duyệt BCTC và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty ngày 05/10/2015 về thống nhất báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP. Hồ Chí Minh đã được Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư tài chính nhà nước thông qua. Gồm các chỉ tiêu và số liệu cụ thể theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thống nhất thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 như sau:



- Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	21.152.057.088 đồng.
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	0 đồng.
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý công ty:	262.800.000 đồng.
- Lợi nhuận còn lại chia quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi:	20.889.257.088 đồng.
Trong đó:	
+ Trích quỹ khen thưởng 70%:	14.622.479.962 đồng.
+ Trích quỹ phúc lợi 30%:	6.266.777.126 đồng.
- Lợi nhuận còn lại nộp về Chủ sở hữu (HFIC):	0 đồng.

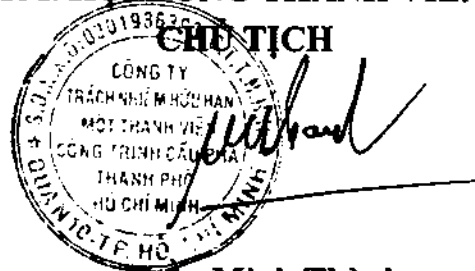
Điều 3. Thống nhất thực hiện việc kết chuyển số dư Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 16.881.360.711 đồng (*Mười sáu tỷ tám trăm tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn bảy trăm mười một đồng*) về Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh theo quy định tại Công văn số 424/BTC-TCDN ngày 14 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1052/UBND-CNN ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Các Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà TP. Hồ Chí Minh theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm tổ chức thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Công ty HFIC (*để báo cáo*);
- HĐQT, KSV, BGĐ Công ty;
- Công đoàn Công ty;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Trần Minh Thành

Phụ lục
SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 CỦA
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP. HCM
(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-CTCP-HĐTV ngày 16./10/2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà TP. Hồ Chí Minh)

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU (Đơn vị tính : đồng)
A. TÀI SẢN VÀ VỐN	
1. Các khoản phải thu ngắn hạn :	117.737.847.895
Trong đó :	
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-40.342.465
2. Hàng tồn kho	3.613.521.977
- Hàng tồn kho	3.613.521.977
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0
3. Các khoản phải thu dài hạn	0
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	0
4. Tài sản cố định	88.318.106.116
a) Tài sản cố định hữu hình	87.767.295.552
- Nguyên giá	152.760.485.998
- Giá trị hao mòn lũy kế (không bao gồm BĐS đầu tư)	(64.993.190.446)
b) Tài sản cố định thuê tài chính	0
- Nguyên giá	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	0
c) Tài sản cố định vô hình	37.080.564
- Nguyên giá	87.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	(50.019.436)
d) Chi phí xây dựng dở dang	513.730.000
5. Bất động sản đầu tư	0
- Nguyên giá	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	0

3019883
CÔNG TY
HỘI ĐỒNG
HÀNH VI
CẦU
HỒ CHÍ MINH
30/10/15

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	0
7. Nợ ngắn hạn	204.748.537.011
Trong đó :	
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	0
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.050.754.507
- Quỹ thưởng Viên chức quản lý	654.595.626
8. Nợ dài hạn	0
- Dự phòng phải trả dài hạn	0
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0
9. Vốn chủ sở hữu (chưa trừ số dư Quỹ ĐTPPT về HFIC)	118.200.491.932
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.713.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	61.805.572.317
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0
- Quỹ đầu tư phát triển	16.881.360.711
- Quỹ dự phòng tài chính	0
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	839.124
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	0
10. Nguồn kinh phí và quỹ khác	(5.200.280.220)
- Nguồn kinh phí	(5.200.280.220)
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0
B. KẾT QUẢ KINH DOANH	
1. Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	386.084.767.972
2. Tổng lãi lỗ phát sinh trong kỳ :	27.487.427.743
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.101.868.400
4. Các khoản trừ lợi nhuận sau thuế	233.502.255
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.152.057.088
C. QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH	

I. Các khoản phải nộp NSNN :	
- Số năm trước chuyển qua :	(7.015.261.479)
+ Trong đó, thuế các loại	
- Phát sinh phải nộp trong năm	40.663.677.018
+ Trong đó, thuế các loại	
- Đã nộp trong năm	39.973.301.481
- Số chuyển sang năm sau :	(7.705.637.016)